| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN BIÊN**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **16**/2025/DS-ST
Ngày: 20-3-2025
*"V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Văn Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Trần Thị Mộng Lành

2. Bà Trần Thu Trang

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Không.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Lê Thị B, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1993 (có mặt);

*2. Bị đơn*: Chị Đặng Thị T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1978 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp L15A, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị B trình bày và yêu cầu như sau*:

Vào ngày 20/12/2022, chị tham gia góp hụi do chị Đặng Thị T làm chủ, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 30 phần, chị tham gia góp 01 phần, trong đó chị góp 29 lần thì chị Đặng Thị T tuyên bố bể hụi, theo hụi được lĩnh chị nhận số tiền

là 29.000.000 đồng, trừ 500.000 đồng tiền hòa hồng, chị Đặng Thị T trả cho chị số tiền 28.500.000 đồng, ngày mãn hụi là ngày 20 tháng 6 năm 2024; sau khi tuyên bố bể hụi chị Đặng Thị T hẹn trả từ từ nhưng đến nay không trả. Nay chị yêu cầu chị Đặng Thị T phải trả cho chị số tiền hụi còn nợ là 28.500.000 đồng, trả đủ 01 lần trong thời hạn 15 ngày, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đặng Thị T trình bày như sau*:

Chị làm chủ hụi, vào ngày 20 tháng 12 năm 2022, chị Lê Thị B có tham gia góp 01 phần hụi loại 1.000.000 đồng, góp hụi sống được 29 lần thì chị tuyên bố bể hụi do các hụi viên không góp hụi cho chị, đến ngày 15/5/2024 chị có ghi biên nhận nợ 28.500.000 đồng, hẹn trả mỗi tháng 500.000 đồng, nhưng từ khi hứa hẹn đến nay chị chưa trả cho chị Lê Thị B đồng nào. Nay chị thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho chị Lê Thị B số tiền 28.500.000 đồng tiền hụi được lĩnh, hẹn trả mỗi tháng 500.000 đồng, trả đến khi hết số tiền 28.500.000 đồng, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Danh sách tham gia góp hụi ngày 20 tháng 12 năm 2022 chủ hụi Đặng Thị T (Bản phô tô và bản chính); Biên nhận ngày 15 tháng 5 năm 2024 của chị Đặng Thị T (Bản phô tô và bản chính); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 27 tháng 8 năm 2024 của chị Lê Thị B (Bản chính).

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Lê Thị B yêu cầu chị Đặng Thị T phải trả cho chị số tiền hụi chết còn nợ là 28.500.000 đồng, trả đủ 01 lần trong thời hạn 15 ngày, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Đặng Thị T vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị B khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Đặng Thị T trả tiền hụi còn nợ. Nguyên đơn và bị đơn điều cư trú tại: ấp L15A, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi hòa giải không thành, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho chị Đặng Thị T nhưng chị Đặng Thị T vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên toà hôm nay nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Đặng Thị T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về hợp đồng góp hụi giữa chị Lê Thị B và chị Đặng Thị T xác lập vào ngày 20 tháng 12 năm 2022 bằng lời nói, không thỏa thuận bằng văn bản, không công chứng, chứng thực sổ hụi, ngày tháng năm sinh; quyền và nghĩa vụ của chủ họ là thực hiện chưa đúng hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 14 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Nay xảy ra tranh chấp, yêu cầu giải quyết, được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Xét khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị B yêu cầu chị Đặng Thị T trả số tiền hụi còn nợ là 28.500.000 đồng, trả đủ 01 lần trong thời hạn 15 ngày; bị đơn chị Lê Thị B thừa nhận còn nợ tiền hụi và đồng ý trả số tiền 28.500.000 đồng nhưng hẹn trả mỗi tháng 500.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền 28.500.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, qua trình bày và yêu cầu của đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Danh sách hụi ngày 20 tháng 12 năm 2022 và Biên nhận ngày 15 tháng 5 năm 2024 của chị Đặng Thị T, thì chị Đặng Thị T nợ chị Lê Thị B tổng số tiền hụi là 28.500.000 đồng, chị Đặng Thị T hẹn trả cho chị Lê Thị B mỗi tháng 1.000.000 đồng là có thật và thuộc trường hợp một bên đương sự thừa nhận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị Đặng Thị T không trả đúng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền hụi theo quy định Điều 18 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị B yêu cầu chị Đặng Thị T trả đủ 01 lần hết số tiền 28.500.000 đồng; chị Đặng Thị T hẹn trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 28.500.000 đồng là thống nhất số lượng tiền, nhưng không thống nhất thời gian và phương thức trả nợ nên Tòa án không thể ra quyết định công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự được, mà đưa vụ án ra xét xử, ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự trả số tiền hụi còn nợ là 28.500.000

đồng, buộc chị Đặng Thị T trả khi bản án có hiệu lực pháp luật, điều kiện trả theo quy định pháp luật thi hành án dân sự. Chị Lê Thị B không yêu cầu chị Đặng Thị T trả tiền lãi chậm trả nên không xem xét.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị B, buộc chị Đặng Thị T phải có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị B số tiền hụi còn nợ là 28.500.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, Điều 18 và Điều 23 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[4] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 8, Điều 14, Điều 18, Điều 23 và Điều 25 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị B, buộc chị Đặng Thị T phải trả cho chị Lê Thị B số tiền hụi còn nợ là 28.500.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người

được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc chị Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.425.000 đồng (28.500.000 đồng x 5%).

Chị Lê Thị B không phải chị án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Lê Thị B tiền tạm ứng án phí đã nộp là 712.500 đồng theo biên lai thu số: 0003553 ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 20/3/2025. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Thảo**